

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST

Ngày: 13/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Khắc Hoàng

Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng
Ông Nguyễn Văn Hoài
Ông Nguyễn Tất Thê

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/HSST ngày 23/01/2025; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/HSST ngày 19/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Thị H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 11/8/1989 tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Tiến T, đã chết; con bà: Phạm Thị H1, sinh năm 1965; chồng: Nguyễn Tiến B, sinh năm 1983 và 04 con; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 22/8/2022 bị UBND xã K, huyện K ra quyết định xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Đang có vợ hoặc có chồng mà sống chung như vợ chồng với người khác” tại Quyết định số 130/QĐ-XPVPHC (Đã thi hành xong ngày 23/11/2022); bị khởi tố bị can ngày 17/01/2024 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).**2.** Họ tên: Phan Thị H2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 25/10/1981 tại phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà H, đường C, tổ dân phố H, phường H, thị xã K, Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Phòng thanh tra UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; đảng viên Chi bộ Nội chính, Đảng bộ

Chính quyền thị xã K (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 123-QĐ/UBND ngày 27/11/2024 của Thị ủy K1, tỉnh Hà Tĩnh); con ông: Phan Văn M và bà: Hoàng Thị L; chồng: Trần Anh Đ và 05 con; Anh chị e ruột có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 17/01/2024 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại phường H, thị xã K, Hà Tĩnh (Có mặt).

*** Bị hại:**

1. Hoàng Nữ Anh T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh (Vắng mặt).

2. Đào Thị Minh L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh (Có mặt).

3. Nguyễn Hữu V, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do (Có mặt).

4. Võ Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do (Có mặt).

5. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. Phạm Thị N1, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn B, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do (Có mặt).

2. Phạm Thị H1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt).

3. Ngân hàng V1: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân H3; địa chỉ: Cán bộ XLN Ngân hàng V1 chi nhánh H6- Phòng G - A, đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền số 213, ngày 10/3/2025) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Phan Thị H2 và Nguyễn Thị H

Cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, do có nhu cầu sử dụng nên Nguyễn Thị H đã trao đổi với Phan Thị H2 làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng cuối năm 2022, Nguyễn Thị H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát 38A- 480.47 (Giấy đăng ký xe ô tô mang tên bà Phạm Thị H1, sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, là mẹ đẻ Nguyễn Thị H) đến cơ sở photo số 3 của Phan Thị H2 (Kí ốt thuê trên đường L, phường H, thị xã K, đối diện Siêu thị V2) đặt vấn đề làm Giấy đăng ký xe ô tô giả trên cơ sở Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát 38A- 480.47, Phan Thị H2 đồng ý. Sau khi Nguyễn Thị H gửi tin nhắn zalo cho Phan Thị H2

hình ảnh Giấy đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Thị H1 thì H2 sử dụng phần mềm photoshop cài đặt trên máy tính chỉnh sửa tên chủ xe là Phạm Thị H1 thành Nguyễn Thị H, sau đó H2 dùng máy in màu in Giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên Nguyễn Thị H và ép nylon rồi đưa cho H, đồng thời H thanh toán cho H2 số tiền 600.000 đồng.

Lần 2: Đến đầu năm 2023, Nguyễn Thị H thấy Giấy đăng ký xe ô tô giả đã đặt Phan Thị H2 làm trước đó bị tối màu và năm sinh không phù hợp với giấy tờ cá nhân khác nên Nguyễn Thị H tiếp tục đến cơ sở photo số B1 (Kí ốt thuê cạnh Ngân hàng A1 chi nhánh thị xã K nằm trên đường L, phường H, thị xã K) của Phan Thị H2 nhờ chỉnh sửa lại với mục đích sử dụng Giấy đăng ký xe ô tô giả đến cơ sở cầm đồ Công Thương ở xã K để cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 38A- 480.47. Nguyễn Thị H gọi điện thoại cho Phan Thị H2 đặt vấn đề nhờ chỉnh sửa lại Giấy đăng ký xe ô tô giả, H2 đồng ý và gọi điện thoại trao đổi với nhân viên là Phạm Thị N1 (sinh ngày 26/5/2005, trú tại xã K, thị xã K) về việc “có chị H đến làm giấy tờ đó, làm cho chị nhé”, đồng thời H2 gửi hình ảnh Giấy đăng ký xe ô tô giả đã làm cho H trước đó đến qua nhắn tin zalo cho N1 để N1 chỉnh sửa thông tin cho H. H yêu cầu N1 chỉnh sửa lại Giấy đăng ký xe ô tô giả sáng màu nền hơn, chỉnh sửa năm sinh từ 1987 thành 1989 và H hủy giấy đăng ký xe ô tô giả đã làm trước đó. Sau đó, Phạm Thị N1 sử dụng phần mềm photoshop chỉnh sửa lại theo yêu cầu của H, in màu và dùng máy ép dẻo để ép nylon hoàn thiện việc làm Giấy đăng ký xe ô tô giả rồi đưa cho H, đồng thời H thanh toán cho H2 số tiền 300.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng tháng 5/2023, do anh Trần Đình L2 (sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh- người đang chung sống như vợ chồng với H) cần sử dụng tiền nhưng không có tiền nên Nguyễn Thị H cần làm giả Sổ gửi tiết kiệm để anh L2 tin là tiền đã được H gửi tiết kiệm hết nên H gọi điện thoại hỏi Phan Thị H2 có làm được Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh huyện H6 không, H2 trả lời có và lên mạng tìm kiếm hình ảnh mẫu nhưng không thấy nên H2 nói lại với H là không làm được. Sau đó, Nguyễn Thị H nhớ đến chị Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1972, trú tại thôn M, xã K, huyện K, là mẹ họ của H) có Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh B nên nhờ chị T2 chụp ảnh gửi cho H. Sau đó, H gửi hình ảnh Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh B qua tin nhắn Zalo cho H2 rồi đi đến cơ sở photo số 1 (Kí ốt thuê trên đường L, phường H, đối diện bờ hồ trung tâm thị xã K) của H2 để làm giả Sổ tiết kiệm ngân hàng A1 chi nhánh H6 và H2 đã sử dụng phần mềm photoshop trên máy tính sửa thông tin trên hình ảnh chụp từ tên Nguyễn Thị T2 thành tên Nguyễn Thị H, sửa số tiền gửi tiết kiệm thành 1.000.000.000 đồng, sửa thông tin ngân hàng là Ngân hàng A1 chi nhánh H6 và con dấu theo yêu cầu của H rồi dùng máy in màu in Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh huyện H6 giả và dùng máy ép dẻo để ép nylon rồi đưa cho H, đồng thời H thanh toán cho H2 số tiền 600.000 đồng.

Kết luận giám định số 123 ngày 05/01/2024; số 459 ngày 01/3/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh H kết luận: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số

38000156, đề tên chủ xe Nguyễn Thị H 1989, đề ngày 16/8/2022 có hình dấu không phải là hình dấu đóng trực tiếp, chữ ký dưới mục “TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN” trên mẫu giám định không phải là chữ ký trực tiếp; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn, đề số AC 00003966941, đề tên khách hàng Nguyễn Thị H, đề số tiền gửi 1.000.000.000 đồng là mẫu cần giám định so với mẫu so sánh không cùng một loại phôi; hình dấu có nội dung “NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM- CHI NHÁNH H6 II PHÒNG GIAO DỊCH CẨM TRUNG” trên mẫu giám định ký hiệu A1 không phải là hình dấu đóng trực tiếp; chữ ký dưới mục “Giám đốc” và chữ ký trên dòng chữ “Nguyễn Thị Bích N2” trên mẫu giám không phải là chữ ký trực tiếp; hình dấu tên “Phạm Văn H4” và “Nguyễn Thị Bích N2” trên mẫu giám định không phải là hình dấu tên đóng trực tiếp.

Như vậy, từ cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, Phan Thị H2 làm giả 02 tài liệu của cơ quan, tổ chức để thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị H đồng phạm với Phan Thị H2 làm giả 01 tài liệu giả là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh huyện H6.

2. Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị H:

2.1. Hành vi sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt 220.630.000 đồng của chị Hoàng Nữ Anh T1 (sinh năm 1989, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh).

Vào khoảng đầu năm 2023, do cần tiền để trả nợ nên Nguyễn Thị H nảy sinh ý định sử dụng Giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên Nguyễn Thị H đối với xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 38A- 480.47 đến cơ sở cầm đồ C (tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) để cầm cố ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 38A- 480.47. Nguyễn Thị H liên hệ chị Hoàng Nữ Anh T1 hỏi về việc cầm cố xe ô tô và chị T1 yêu cầu phải là xe chính chủ. Sau đó, Nguyễn Thị H đã đặt vấn đề nhờ Phan Thị H2 chỉnh sửa lại Giấy đăng ký xe ô tô giả đã làm vào cuối năm 2022 do bị tối màu và năm sinh không phù hợp thì H2 đồng ý và chỉ đạo nhân viên là Phạm Thị N1 sử dụng phần mềm photoshop chỉnh sửa lại theo yêu cầu H, in màu và ép nilon để hoàn thiện việc làm Giấy đăng ký xe ô tô giả rồi giao cho H như nêu trên. Ngày 13/5/2023, Nguyễn Thị H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 38A- 480.47, mang theo Giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên Nguyễn Thị H đến cơ sở cầm đồ Công Thương đưa cho chị T1 đề nghị cầm cố chiếc xe ô tô này và thuê lại chiếc xe để đi lại. Nhận thấy thông tin trên Giấy đăng ký xe ô tô giả phù hợp với thông tin cá nhân của H nên chị T1 tin tưởng, đồng ý giữ Giấy đăng ký xe ô tô giả và cho H vay số tiền 250.000.000đ. Chị T1 làm hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê xe trong thời hạn 01 tháng (từ ngày 13/5/2023 đến 13/6/2023), đồng thời chuyển khoản 250.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V3 số 1235699999 mang tên Hoàng Thị Anh T3 đến tài khoản ngân hàng V3 số 0461000433860 của Nguyễn Thị H. Số tiền này, H sử dụng trả nợ cá nhân và chi tiêu hết. Từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2023, H đã trả cho chị T3 số tiền 154.370.000 đồng, gồm tiền thuê xe 76.000.000 đồng, tiền lãi 49.000.000 đồng và

tiền gốc 29.370.000 đồng. Từ tháng 12/2023, do mất khả năng thanh toán nên Nguyễn Thị H không trả 220.630.000 đồng cho chị Hoàng Nữ Anh T1.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã sử dụng Giấy đăng ký ô tô giả để lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Nữ Anh T1 số tiền 220.630.000 đồng. Phan Thị H2 đã tự nguyện bồi thường cho chị T1 30.000.000 đồng. Hiện nay, chị T1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 190.630.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường cho chị Hoàng Nữ Anh T1.

2.2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 900.000.000 đồng của chị Đào Thị Minh L1 (sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyễn Thị H và chị Đào Thị Minh L1 là bạn bè quen biết từ trước. Từ tháng 11/2022 đến khoảng tháng 5/2023, thời điểm H bị vỡ nợ và nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị L1 để trả nợ cho các cá nhân khác. H đưa ra thông tin gian dối như có kênh đầu tư lợi nhuận cao để kêu gọi chị L1 góp tiền đầu tư rồi chiếm đoạt để trả nợ cho người khác. Tin tưởng các thông tin do H đưa ra, chị Đào Thị Minh L1 đã nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho Nguyễn Thị H với tổng số tiền 1.250.000.000 đồng để đầu tư nhằm hưởng lợi nhuận. Quá trình lừa đảo chị L1 và nhằm tạo niềm tin để chị L1 chuyển tiền đầu tư, H đã nhiều lần trả lại cho chị L1 số tiền 350.000.000 đồng. Từ tháng 5/2023, do mất khả năng thanh toán nên Nguyễn Thị H không trả 900.000.000 đồng cho chị Đào Thị Minh L1.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Đào Thị Minh L1 số tiền 900.000.000 đồng. Hiện nay, chị L1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 900.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường cho chị Đào Thị Minh L1.

2.3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 244.900.000 đồng của anh Nguyễn Hữu V (sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyễn Thị H quen biết anh Nguyễn Hữu V thông qua chị Đào Thị Minh L1. Cuối năm 2022, thời điểm này H đã mất khả năng thanh toán nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh V để trả nợ cho các cá nhân khác. H đưa ra lý do không đúng sự thật như có kênh đầu tư với mức lợi nhuận cao để kêu gọi anh V đầu tư. Với phương thức, thủ đoạn như trên, từ tháng 12/2022 đến tháng 04/2023, Nguyễn Thị H đã nhiều lần nhận tiền đầu tư từ anh V với tổng số tiền 1.030.000.000 đồng. Quá trình lừa đảo và nhằm tạo niềm tin để anh V chuyển tiền đầu tư, đồng thời do anh V yêu cầu trả tiền nên H đã trả lại cho anh V số tiền 785.100.000 đồng. Đến khoảng tháng 5/2023, do mất khả năng thanh toán nên Nguyễn Thị H không trả 244.900.000 đồng cho anh Nguyễn Hữu V.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Hữu V số tiền 244.900.000 đồng. Hiện nay, anh V yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 244.900.000 đồng và số tiền 98.149.900 đồng tiền lãi anh V đã trả cho cửa hàng F thị xã K nhưng bị cáo chưa bồi thường cho anh Nguyễn Hữu V. Tại phiên tòa anh V thừa nhận số tiền H đã lừa đảo chiếm đoạt và đã trả cho anh như đã nêu trên và toàn bộ số tiền đã trả là trả tiền gốc. Anh V yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 244.900.000 đồng; còn số tiền 98.149.900 đồng tiền lãi anh V đã trả cho cửa hàng F88 thị xã F trước đây anh yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng

nay anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ tự yêu cầu bị cáo trả cho anh, nếu không trả sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

2.4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 404.000.000 đồng của chị Võ Thị N (sinh năm 1979, trú tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước).

Thông qua anh Nguyễn Hữu V, Nguyễn Thị H quen biết với chị Võ Thị Na . Từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023, Nguyễn Thị H nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối về việc có kênh đầu tư với mức lợi nhuận cao để lừa đảo chị Võ Thị N đầu tư tiền nhằm hưởng lợi nhuận và nhận số tiền 600.000.000 đồng từ chị N. Quá trình lừa đảo và nhằm tạo niềm tin để chị N chuyển tiền đầu tư, H đã chuyển trả số tiền 196.000.000 đồng cho chị N. Từ tháng 5/2023, do mất khả năng thanh toán nên Nguyễn Thị H không trả 404.000.000 đồng cho chị Võ Thị Na .

Như vậy, Nguyễn Thị H đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Võ Thị N số tiền 404.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị N xác nhận toàn bộ số tiền H đã trả là trả tiền gốc và yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 404.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi theo lãi suất ngân hàng. Chị N đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2.5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 71.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1972, trú tại thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh)

Vào tháng 11/2022, Nguyễn Thị H biết chị Nguyễn Thị T2 (là vợ của H) có số tiền 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng A1 chi nhánh B- Hà Tĩnh II. Do cần tiền để trả nợ cho những người khác nên Nguyễn Thị H đưa ra thông tin cần tiền lấy hàng làm đá sản xuất bia mộ và đề nghị chị T2 rút tiền tiết kiệm cho H mượn và hứa trả tiền lãi như tiền lãi ngân hàng cho chị T2. Vì tin tưởng H nên chị Nguyễn Thị T2 đã cùng H đến ngân hàng rút số tiền 100.000.000 đồng rồi gửi tiền mặt vào số tài khoản 0461000433860 thuộc ngân hàng V3 của H. Sau đó, H đã trả 29.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi bù vào tiền lãi ngân hàng cho chị T2. Từ tháng 5/2023, do mất khả năng thanh toán nên Nguyễn Thị H không trả 71.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị T2.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T2 số tiền 71.000.000 đồng. Hiện nay, chị T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 71.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường cho chị Nguyễn Thị T2 và có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Phan Thị H2 tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho chị Hoàng Nữ Anh T1.

*** Vật chứng, tài sản đã thu giữ:**

- Thu giữ của Nguyễn Thị H: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95 màu đen, số Imei 1: 860541054440955, số Imei 2: 860541054440948, gắn 02 (hai) thẻ sim Viettel số Seri 8984 0480 0092 1236 605 và 8984 04800 03836 75168.

- Thu giữ của Phan Thị H2: 900.000 đồng; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen không rõ nhãn hiệu; màn hình nhãn hiệu

Dell E1914HC; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSONL1210 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu Dell Vostro số S2 tag: 7HPGS62; màn hình nhãn hiệu Acer, số S: ETLEX0400991602 F094330; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSON, mã vạch W87K028220 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng, số Imei 1: 357287098781893, Imei 2: 357287098770896, gắn 01 (một) thẻ sim Vinaphone số Seri 89840 20001 12750 49490; 02 (hai) chiếc máy ép dẻo nhãn hiệu LAMINATOR, đã qua sử dụng.

- Thu giữ từ Nguyễn Hữu V: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu đen, biển kiểm soát 38A-480.47, số khung: MK2LRNC1WNN008591; số máy: 4A91KAS2522; 20 (hai mươi) tờ giấy vay tiền nội dung thể hiện Nguyễn Thị H vay tiền của Nguyễn Hữu V và Võ Thị Na .

- Thu giữ từ Hoàng Nữ Anh T1: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, đề số 38000156, tên chủ xe: NGUYỄN THỊ HẰNG 1989; 01 (một) hợp đồng cầm đồ giữa Hoàng Nữ A Thương và Nguyễn Thị H; 01 (một) hợp đồng thuê xe giữa Hoàng Nữ Anh T1 và Nguyễn Thị H;

- Thu giữ từ Nguyễn Thị T2: 01 (một) giấy vay tiền, đề ngày 29/12/2022.

- Thu giữ từ Võ Thị N: 01 (một) tờ giấy vay tiền, đề ngày 20/8/2023.

- Thu giữ từ ông Nguyễn Trọng D- Phó Giám đốc ngân hàng A1 chi nhánh B: 01 (một) sổ tiết kiệm ngân hàng A1 chi nhánh H6, ký hiệu AC 00003966941, tên khách hàng Nguyễn Thị H.

Các vật chứng là 20 (hai mươi) tờ giấy vay tiền thể hiện nội dung Nguyễn Thị H vay tiền của Nguyễn Hữu V và Võ Thị N; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, đề số 38000156, tên chủ xe: NGUYỄN THỊ HẰNG 1989; 01 (một) hợp đồng cầm đồ giữa Hoàng Nữ A Thương và Nguyễn Thị H; 01 (một) hợp đồng thuê xe giữa Hoàng Nữ A Thương và Nguyễn Thị H; 01 (một) giấy vay tiền, đề ngày 29/12/2022; 01 (một) tờ giấy vay tiền, đề ngày 20/8/2023; 01 (một) sổ tiết kiệm ngân hàng A1 chi nhánh H6, ký hiệu AC 00003966941, tên khách hàng Nguyễn Thị H được chuyển theo hồ sơ vụ án. Các vật chứng còn lại được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 86/CT-VKSHT-P2 ngày 18 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Thị H2 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị

cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Thị H2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt: Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 17 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06-09 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; từ 03-4 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; từ 13-14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt từ 16 năm 06 tháng đến 18 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Phan Thị H2 30-36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về xử lý vật chứng, tài sản:

Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước đối với vật chứng của vụ án: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95 màu đen thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen không rõ nhãn hiệu; màn hình nhãn hiệu Dell E1914HC; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSONL1210 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu Dell Vostro số S2 tag: 7HPGS62; màn hình nhãn hiệu Acer; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSON, mã vạch W87K028220 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng; 02 (hai) chiếc máy ép dẻo nhãn hiệu LAMINATOR, đã qua sử dụng thu giữ từ Phan Thị H2.

- Các vật chứng là 20 (hai mươi) tờ giấy vay tiền thể hiện nội dung Nguyễn Thị H vay tiền của Nguyễn Hữu V và Võ Thị N; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, đề số 38000156, tên chủ xe: NGUYỄN THỊ HẰNG 1989; 01 (một) hợp đồng cầm đồ giữa Hoàng Nữ A Thương và Nguyễn Thị H; 01 (một) hợp đồng thuê xe giữa Hoàng Nữ A Thương và Nguyễn Thị H; 01 (một) giấy vay tiền, đề ngày 29/12/2022; 01 (một) tờ giấy vay tiền, đề ngày 20/8/2023; 01 (một) sổ tiết kiệm ngân hàng A1 chi nhánh H6, ký hiệu AC 00003966941, tên khách hàng Nguyễn Thị H được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Trả lại xe ô tô Mitsubishi, BKS 38A-480-47 cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị H1.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 900.000 đồng thu lợi bất chính thu giữ từ Phan Thị H2. Truy thu sung ngân sách từ Phan Thị H2 số tiền 600.000 đồng thu lợi bất chính.

*Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho 05 bị hại là 1.810.530.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho chị Đào Thị M1 Lý số tiền 900.000.000 đồng; anh Nguyễn Hữu V số tiền 244.900.000 đồng; chị Võ Thị N số tiền 404.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T2 số tiền 71.000.000 đồng; chị Hoàng Nữ Anh T1 số tiền 190.630.000 đồng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí buộc bị cáo Nguyễn Thị H và Phan Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí DSST theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị hại Võ Thị N, Nguyễn Thị T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị H; Đại diện Ngân hàng V1 đề nghị HĐXX trả và giao xe ô tô Mitsubishi, BKS 38A-480-47 thuộc sở hữu của bà H1 cho Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp và nợ của bà H1. Bà Phạm Thị H1 yêu cầu trả lại xe ô tô Mitsubishi, BKS 38A-480-47, bà và Ngân hàng V1 sẽ tự giải quyết với nhau về tài sản thế chấp và nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng và hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Hoàng Nữ Anh T1, tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T1, phiên tòa mở lần thứ ba, tại hồ sơ chị T1 đã có đầy đủ lời khai, yêu cầu dân sự nên sự vắng mặt của chị T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX quyết định xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt chị T1.

Bị cáo Nguyễn Thị H bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 điều 174 BLHS nên thuộc trường hợp được chỉ định người bào chữa theo quy định điều 76 BLTTHS. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn

Thị H có đơn không mời người bào chữa và từ chối người bào chữa do các cơ quan tố tụng chỉ định; tại phiên tòa hôm nay bị cáo giữ nguyên ý kiến không mời người bào chữa, từ chối và không yêu cầu chỉ định người bào chữa cho mình, bị cáo tự bào chữa cho mình tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án đối với bị cáo Nguyễn Thị H mà không có người bào chữa theo quy định tại Điều 77 BLTTHS.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu thu thập có tại hồ sơ. Vì vậy, đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng cuối năm 2022, đầu năm 2023, Nguyễn Thị H đã trao đổi, cung cấp hình ảnh Giấy đăng ký xe ô tô và Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng NN& PTNT cho Phan Thị H2 làm giả để H sử dụng. Phan Thị H2 đã chỉ đạo và sử dụng phần mềm photoshop cài đặt trên máy tính để chỉnh sửa thông tin trên tài liệu giả, in màu và ép nylon để làm giả 03 tài liệu theo yêu cầu của Nguyễn Thị H, gồm: 02 lần làm Giấy đăng ký xe ô tô giả, số 38000156, đề tên chủ xe Nguyễn Thị H 1989, đề ngày 16/8/2022 và 01 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh H6, đề số AC 00003966941, đề tên khách hàng Nguyễn Thị H, đề số tiền gửi 1.000.000.000 đồng để hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận được 03 tài liệu giả này, Nguyễn Thị H đã hủy bỏ 01 Giấy đăng ký xe ô tô do chưa đạt yêu cầu và phải chỉnh sửa lại thông tin về năm sinh để sử dụng Giấy đăng ký xe ô tô giả, đề số 38000156, đề tên chủ xe Nguyễn Thị H 1989, đề ngày 16/8/2022 để cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát 38A- 480.47 và đưa ra thông tin gian dối lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Nữ A Thương số tiền 220.630.000 đồng; còn đối với S tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng N3 chi nhánh H6 giả thì Nguyễn Thị H đưa cho anh Trần Đình L2 (sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) để anh L2 tin tưởng tiền của gia đình đã được H gửi tiết kiệm, sổ tiết kiệm này sau đó do không trả được nợ cho V nên V đã yêu cầu H đi cùng mình để rút tiền, khi V vào rút tiền thì bị phát hiện là sổ tiết kiệm giả bị ngân hàng thu giữ và nộp cho cơ quan điều tra. Đồng thời để có tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân, từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023, Nguyễn Thị H đã đưa ra các thông tin gian dối như H có mỗi đầu tư đưa lại lợi nhuận cao; cần tiền nhập hàng kinh doanh để lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 1.619.900.000 đồng của 04 người bị hại, gồm: Chiếm đoạt của chị Đào Thị Minh L1 (sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 900.000.000 đồng; Chiếm đoạt của anh Nguyễn Hữu V (sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 244.900.000 đồng; Chiếm đoạt của chị Võ Thị N (sinh năm 1979, trú tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Dương) số tiền 404.000.000 đồng; Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1972, trú tại thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 71.000.000 đồng. Hiện nay, các bị hại (Hoàng Nữ Anh T1, Đào Thị Minh L1, Nguyễn Hữu V, Võ Thị N, Nguyễn Thị T2) yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường tổng số tiền bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt là **1.840.530.000 đồng**.

Hành vi làm giả tài liệu và sử dụng tài liệu giả của các bị cáo Nguyễn Thị H và Phan Thị H2 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động

bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước; hành vi đưa ra thông tin gian dối để các bị hại tin tưởng nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Thị H đã trực tiếp xâm phạm quy định của Nhà nước về quyền sở hữu tài sản của người khác; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; Các quan hệ này được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, được quy định cụ thể tại các Điều 341, Điều 174 Bộ luật hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự với lỗi cố ý trực tiếp. Động cơ mục đích thu lợi cá nhân. Trong đó, bị cáo H2 thực hiện hành vi làm giả tài liệu hai lần với hai loại tài liệu giả nên phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 341 BLHS; Còn bị cáo H, ngoài hành vi làm giả 01 sổ tiết kiệm, còn sử dụng tài liệu giả là đăng ký xe ô tô Mitsubishi, BKS 38A-480-47 để cầm cố, lừa đảo chiếm đoạt 220.630.000 đồng của chị Hoàng Nữ Anh T1, đồng thời, còn có hành vi lừa đảo và tài sản chiếm đoạt tài sản của 04 người khác với tổng số tiền 1.619.900.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố đối với các bị cáo về các tội danh theo các điểm, khoản điều luật nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm vào tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Bị cáo Phan Thị H2 không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị H thời điểm phạm tội đang mang thai, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Phan Thị H2 quá trình điều tra, truy tố đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo; tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính; có bố đẻ là ông Phan Văn M được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng Ba, Kỷ niệm chương “Vì sức khỏe nhân dân”, Kỷ niệm chương “Bám trụ đánh Mỹ” nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H đã phạm nhiều tội, trong đó có tội đặc biệt nghiêm trọng gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, chiếm đoạt số tiền rất lớn nên cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ cải tạo giáo dục đối với bị cáo. Nhưng xét bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thời điểm phạm tội đang mang thai và hiện tại đang nuôi con

nhỏ dưới 36 tháng tuổi, người bị hại xin giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo H2 sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục thiệt hại, nộp lại số tiền thu lợi bất chính, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước tới nay chưa vi phạm gì, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nào nên xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo giáo dục tại địa phương là đủ nghiêm. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với hành vi và các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Đối với Phạm Thị N1 (sinh ngày 26/5/2005, trú tại xã K, thị xã K): Là người làm thuê cho Phan Thị H2 tại ki-ốt phôtô số 2 (cạnh Ngân hàng A1 chi nhánh thị xã K nằm trên đường L, phường H, thị xã K) khi H2 chỉ đạo và chuyển cho N1 hình ảnh đăng ký xe ô tô Mitsubishi, BKS 38A-480-47 mà H2 đã làm cho H trước đó thì N1 chỉ chỉnh sửa năm sinh và chỉnh sửa màu đối với đăng ký xe và in ra cho H như nêu trên; tại thời điểm này thì Phạm Thị N1 chưa đủ 18 tuổi, trình độ, nhận thức còn hạn chế (trình độ văn hóa 10/12), nhân thân tốt, mẹ đã chết, bố bị tàn tật mất khả năng lao động và N1 là người trực tiếp chăm sóc; N1 không bàn bạc trao đổi gì với Nguyễn Thị H và không được hưởng lợi gì từ việc làm Giấy đăng ký xe ô tô giả mà chỉ nhận tiền lương theo tháng do H2 trả. Căn cứ khoản 2 Điều 8 và Điều 91 Bộ luật Hình sự nhận thấy hành vi của Phạm Thị N1 có dấu hiệu của tội phạm “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể nên không phải là tội phạm và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã chuyển hồ sơ đến Công an thị xã K để xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

- Ngoài ra, Nguyễn Thị H còn khai nhận đã đặt Phan Thị H2 làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy xác nhận sao kê tài khoản, quyết định ly hôn, giấy chứng nhận độc thân nhưng quá trình điều tra không thu giữ được những tài liệu này nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm đối với Nguyễn Thị H và Phan Thị H2.

- Đối với 02 giấy vay tiền giữa anh Nguyễn Hữu V và Nguyễn Thị H đề ngày 04/4/2023 và ngày 08/4/2023 đều có chữ số viết số tiền vay là 200.000.000đồng/giấy: Nguyễn Thị H khai các giấy vay tiền này là do H viết đề vay của V mỗi giấy là 20.000.000đ và bị anh Nguyễn Hữu V chỉnh sửa từ 20.000.000 đồng thành 200.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu V thừa nhận có chỉnh sửa 02 giấy vay nhưng không nhớ chỉnh sửa giấy nào. Kết quả giám định không đủ cơ sở kết luận về việc chỉnh sửa. Vì vậy, không đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đối với số tiền 360.000.000 đồng/400.000.000đ của 02 giấy vay này.

- Về hành vi cho vay lấy lãi của chị Hoàng Nữ Anh T1 và bà Đỗ Thị H5: Chị Đào Thị Minh L1 khai nhận đã vay bà Đỗ Thị H5 (sinh năm 1967, trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 400.000.000 đồng để đầu tư theo thông tin của Nguyễn Thị H đưa ra; từ ngày 07/3/2023 đến ngày 01/3/2024 (360 ngày) chị L1 đã trả cho bà H5 113.600.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 27,79%/năm; Từ 13/5/2023 đến 28/11/2023 (200 ngày), Hoàng Nữ Anh T1 cho

Nguyễn Thị H vay số tiền 250.000.000 đồng và thu của H 49.000.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 35,77 %/năm. Do lãi suất trên chưa vượt mức từ 100%/năm trở lên nên hành vi của chị Hoàng Nữ A T1 và bà Đỗ Thị H5 không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã chuyển tài liệu liên quan đến Công an huyện K để xem xét xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với các bị hại Nguyễn Thị T2, Đào Thị Minh L1, Nguyễn Hữu V và Võ Thị N được Nguyễn Thị H trả tiền lợi nhuận nhưng đây là thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, không xác định được các khoản tiền do H trả cho các bị hại là tiền gốc hay tiền lãi, của khoản vay nào, các bị hại xác định số tiền bị cáo đã trả là tiền gốc. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với Nguyễn Thị T2, Đào Thị Minh L1, Nguyễn Hữu V và Võ Thị Na .

- Đối với hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng của Nguyễn Thị H và Trần Đình L2 (sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh): Ngày 22/8/2022, Nguyễn Thị H và Trần Đình L2 bị UBND xã K, huyện K xử phạt mỗi người 2.000.000 đồng về hành vi “Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác”. H và L2 đã nộp xong tiền phạt (ngày 23/8/2022). Hiện nay, Nguyễn Thị H và Trần Đình L2 có con chung sinh ngày 11/4/2023 (Theo Giấy khai sinh số 63 của cháu Trần Đình Nhật L3). Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã chuyển thông tin đến Công an huyện K xác minh, làm rõ.

[6] Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp:

- Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị H chiếm đoạt của 05 bị hại là 1.840.530.000 đồng, Phan Thị H2 đã bồi thường cho chị T1 30.000.000đ; còn lại 1.810.530.000 đồng, Nguyễn Thị H chưa bồi thường được khoản nào. Do đó, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho 05 bị hại theo quy định tại điểm b Điều 47; khoản 1 điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự, cụ thể: Bồi thường cho chị Đào Thị M1 Lý số tiền 900.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Hữu V số tiền 244.900.000 đồng; bồi thường cho chị Võ Thị N số tiền 404.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị T2 số tiền 71.000.000 đồng; bồi thường cho chị Hoàng Nữ A Thương số tiền 190.630.000 đồng.

- Đối với số tiền 900.000 đồng thu giữ từ Phan Thị H2 là số tiền bị cáo thu lợi bất chính cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước đồng thời cần tiếp tục tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng tiền thu lợi bất chính còn lại chưa nộp từ Phan Thị H2 theo quy định tại điểm a điều 46; điểm c điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS.

[7] Về vật chứng vụ án: Xét các vật chứng đã thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95 màu đen thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen không rõ nhãn hiệu; màn hình nhãn hiệu Dell E1914HC; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSON L1210 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu

Dell Vostro số S2 tag: 7HPGS62; màn hình nhãn hiệu Acer; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSON, mã vạch W87K028220 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng; 02 (hai) chiếc máy ép dẻo nhãn hiệu LAMINATOR, đã qua sử dụng thu giữ từ Phan Thị H2 là các công cụ, phương tiện bị cáo H và bị cáo H2 sử dụng vào việc làm giấy tờ giả nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách nhà nước;

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu đen, BKS 38A-480.47, số khung MK2LRNC1WNN008591; số máy 4A91KAS2522 (Giấy đăng ký xe ô tô mang tên bà Phạm Thị H1, sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, là mẹ đẻ Nguyễn Thị H) do Nguyễn Hữu V giao nộp. Chiếc xe này Nguyễn Thị H sử dụng nhưng có căn cứ xác định đây là tài sản của bà Phạm Thị H1, bà Hoa đăng K, đứng tên và chiếc xe hiện đang được thế chấp tại ngân hàng V4 chi nhánh H6- phòng G để trả góp việc mua xe; hiện dư nợ tại Ngân hàng đến ngày 02/8/2024 là 377.800.000 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng V4 chi nhánh H6 đề nghị được giao chiếc xe ô tô cho Ngân hàng để phát mãi thu nợ quá hạn, tuy nhiên, xét thấy quan hệ tín dụng, thế chấp vay tài sản giữa Ngân hàng V5 và bà H1 là quan hệ giao dịch dân sự độc lập, chiếc xe ô tô đang bị tạm giữ nói trên là tài sản của bà H1, bà H1 không liên quan đến hành vi lừa đảo của bị cáo H, bà H1 đề nghị được trả lại chiếc xe ô tô nói trên cho bà để xử lý nợ với ngân hàng. Vì vậy, cần chấp nhận và trả lại chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander, màu đen, BKS 38A-480.47 cho bà Phạm Thị H1 để bà H1 và Ngân hàng V1 tự tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55, Điều 17 Bộ luật Hình sự; Điều 77 BLTTHS đối với bị cáo Nguyễn Thị H; Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Phan Thị H2; Áp dụng Điều 46; Điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự; Điều 292; Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135,

Điều 136; Điều 333, Điều 334 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Phan Thị H2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (S1) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 16 (Mười sáu) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Thị H2 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị H2 cho UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian hưởng án treo. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt án treo, án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho 05 bị hại tổng số tiền là **1.810.530.000 đồng** (*Một tỷ, tám trăm mười triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng*). Cụ thể: Bồi thường cho chị Đào Thị Minh L1, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền **900.000.000 đồng** (*Chín trăm triệu đồng*); Bồi thường cho anh Nguyễn Hữu V trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền **244.900.000 đồng** (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng*); Bồi thường cho chị Võ Thị N, trú tại Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước số tiền **404.000.000 đồng** (*Bốn trăm linh bốn triệu đồng*); Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T2, trú tại thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền **71.000.000 đồng** (*Bảy mươi một triệu đồng*); Bồi thường cho chị Hoàng Nữ Anh T1, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền **190.630.000 đồng** (*Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng*).

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính **900.000 đồng** (*Chín trăm ngàn đồng*) bị cáo Phan Thị H2 đã nộp theo ủy nhiệm chi số 457 ngày 03/12/2024 của Công an tỉnh H về việc chuyển số tiền 900.000 đồng từ tài khoản

tạm giữ tang vật 3949.0.9042282.00000 thuộc vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản...” cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh vào tài khoản số 3949.0.1055068 mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh H.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính **600.000 đồng** (Sáu trăm ngàn đồng) tại Phan Thị H2.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án mà gia đình bị đơn không chịu thi hành án hoặc chậm thi hành án thì phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại điều 468 đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án.

[4] Về xử lý vật chứng, tài sản: Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A95 màu đen thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen không rõ nhãn hiệu; màn hình nhãn hiệu Dell E1914HC; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSONL1210 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, gồm: Cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu Dell Vostro số S2 tag: 7HPGS62; màn hình nhãn hiệu Acer; bàn phím, chuột và các loại dây cắm máy tính; 01 (một) máy in màu hiệu EPSON, mã vạch W87K028220 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng; 02 (hai) chiếc máy ép dẻo nhãn hiệu LAMINATOR, đã qua sử dụng thu giữ từ Phan Thị H2

Trả lại cho bà Phạm Thị H1 01(một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu đen, BKS 38A-480.47.

(Tình trạng, đặc điểm các vật chứng có trong Biên bản giao nhận vật chứng số 12 ngày 19/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 66.315.900 đồng (Sáu mươi sáu triệu, ba trăm mười lăm nghìn, chín trăm đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh
- THAHS TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; bị hại; NC QLNVLQ;
- Lưu VT; HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Khắc Hoàng

